

Bản án số: 50/2018/HS-ST

Ngày: 30-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Trước

2. Ông Lê Văn Thung

3. Bà Đặng Thị Bé

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: ấp Hưng H, xã T, huyện L, tỉnh T; Chỗ ở: Khu dân cư X, ấp B, xã T, huyện L, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông: Nguyễn Văn D và bà: Lê Thị T; Anh chị em có 02 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Chồng tên: Hồ Minh L, sinh năm 1962 (đã ly thân); Có 01 con, sinh năm 1991; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 28/9/2018; Hiện bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M:* Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H - Văn phòng Luật sư Quỳnh H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- Bị hại:

1. Trần Thị Q, sinh năm 198X;
Nơi cư trú: Số 29X, ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.
2. Võ Thị B, sinh năm 195X;
Nơi cư trú: Số 87X, khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.
3. Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 198X;
Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.
4. Trần Thiện N, sinh năm 197X;
Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.
5. Hồ Ngọc T, sinh năm 198X;
Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện L, tỉnh Đ.
6. Trần Ngọc H1, sinh năm 197X;
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.
7. Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 199X;
Nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đ.
8. Trần Hữu T1, sinh năm 196X;
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh A.

Bị hại Võ Thị B, Hồ Ngọc T, Trần Hữu T1 có mặt; Trần Thị Q, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Thiện N, Trần Ngọc H1 và Nguyễn Thị Thu V vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị H2, sinh năm 198X (vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ.
2. Nguyễn Văn D, sinh năm 195X (vắng mặt);
Nơi cư trú: khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M là nhân viên Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện L đến tháng 5/2018 thì nghỉ việc. Trong khoảng thời gian công tác, M vay tiền bên ngoài không có khả năng thanh toán. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, M nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác.

Từ tháng 03/2017 đến tháng 07/2018, thông qua việc quen biết với các bị hại, Nguyễn Thị M đã thực hiện hành vi gian dối trực tiếp giới thiệu hoặc điện thoại thông báo cho người bị hại là mình biết nền nhà bán giá rẻ hoặc M thuộc diện gia đình chính sách được mua nền nhà giá rẻ tại Khu dân cư II (Tắc Bà Tảo) thuộc ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ và Khu đô thị Sao Mai thuộc khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ, sau đó gợi ý các bị hại đưa tiền cho M mua giùm. Để các bị hại tin tưởng nhằm thực hiện được ý định của mình, M dẫn và chỉ cho họ xem vị trí đất, cung cấp sơ đồ quy hoạch đất hoặc nhờ

người khác nói chuyện với một số bị hại về thủ tục chuyển nhượng để họ tin tưởng rồi M yêu cầu đưa tiền nhiều lần cho mình để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi nhận được tiền M chiếm đoạt sử dụng vào việc trả nợ và tiêu xài cá nhân mà không mua nền nhà như hứa hẹn.

Bằng thủ đoạn gian dối nêu trên, Nguyễn Thị M đã nhận và chiếm đoạt của 08 người bị hại với tổng số tiền là 1.015.700.000 đồng, diễn biến hành vi cụ thể như sau:

1. Đối với bị hại Trần Thị Q: Khoảng tháng 8/2017 M trực tiếp gặp hỏi Q muốn mua nền nhà giá rẻ ở Khu đô thị Sao Mai không thì Quý đồng ý nên M hứa mua giùm 02 nền nhà giá rẻ, có cho Q xem sơ đồ quy hoạch đất và đưa đi xem nền nhà trong Khu đô thị Sao Mai nên Q tin tưởng. Từ tháng 8/2017 đến ngày 28/02/2018 M nhận và chiếm đoạt nhiều lần của Q với tổng số tiền là 130.000.000 đồng.

2. Đối với bị hại Nguyễn Thị Thúy H: Tháng 3/2018 M điện thoại cho H hỏi có muốn mua nền nhà giá rẻ theo diện chính sách ở khu dân cư II (Tắc Bà Tảo) không, thì bà H đồng ý nên M hứa mua giùm 02 nền nhà giá rẻ. Sau khi đưa tiền, H có yêu cầu xem nền nhà, M dẫn đi xem nền nhà tại Khu đô thị Sao Mai và có đưa điện thoại nói chuyện với người đàn ông về việc làm thủ tục nên H tin tưởng. Từ tháng 3/2018 đến tháng 6/2018, M nhận và chiếm đoạt nhiều lần của H với tổng số tiền là 64.000.000 đồng.

3. Đối với bị hại Trần Thiện N: Khoảng tháng 3/2017, M điện thoại cho Nh giới thiệu mình thuộc diện gia đình chính sách được mua nền nhà giá rẻ nên kêu ông N đưa tiền M mua giùm 04 nền ở Khu dân cư đô thị Sao Mai, nếu lời sẽ chia hai thì Nhân đồng ý. M có cho Nhân xem sơ đồ quy hoạch đất, đưa đi xem nền nhà trong Khu đô thị Sao Mai và có đưa điện thoại nói chuyện với người đàn ông về việc làm thủ tục nên N tin tưởng. Từ tháng 3/2017 đến tháng 12/2017, M nhận và chiếm đoạt của N nhiều lần với tổng số tiền là 490.500.000 đồng; M trả lại được 60.000.000 đồng nên còn chiếm đoạt 430.500.000 đồng.

4. Đối với bị hại Võ Thị B: Khoảng tháng 6/2017, M điện thoại cho ông Hồ Văn V (chồng bà Bé) và trực tiếp đến nhà giới thiệu cho vợ chồng B biết là mình thuộc diện gia đình chính sách được mua nền nhà tại trung tâm thương mại huyện L nhưng không đủ tiền mua. Sau đó, M hứa mua giùm 02 nền nhà giá rẻ ở Khu đô thị Sao Mai, có đưa cho bà B giữ sơ đồ quy hoạch đất và đưa chồng của B đi xem nền nhà trong Khu đô thị Sao Mai nên vợ chồng bà B tin tưởng. Từ tháng 6/2017 đến tháng 8/2017, M nhận và chiếm đoạt nhiều lần của B với tổng số tiền là 106.500.000 đồng.

5. Đối với bị hại Trần Ngọc H1: Ngày 20/4/2018, M đến nhà H1 mua thẻ cào điện thoại và gợi ý tại khu dân cư II có 02 nền nhà bán cho hộ nghèo giá rất rẻ 47.000.000 đồng/nền nhưng M đã mua 01 nền còn 01 nền kêu bà H1 mua nên bà H1 đồng ý. Trong tháng 4/2018, M nhận và chiếm đoạt nhiều lần của H1 với tổng số tiền là 8.400.000 đồng.

6. Đối với bị hại Hồ Ngọc T: Khoảng tháng 10/2017, thông qua mối quan hệ quen biết Hồ Ngọc Gg, M điện thoại giới thiệu cho ông G và T mua

04 nền nhà tại khu dân cư II với giá khoảng hơn 30.000.000 đồng/nền, có chỉ cho ông xem vị trí đất tại khu dân cư II nên ông tin tưởng đồng ý. M yêu cầu ông đưa tiền làm giấy tờ, đóng thuế và các chi phí khác. Từ tháng 10/2017 đến tháng 12/2017, M nhận và chiếm đoạt nhiều lần của T với tổng số tiền là 138.800.000 đồng.

7. Đối với bị hại Nguyễn Thị Thu V: Đầu tháng 5/2017, M điện thoại gọi ý cho bà V mua nền nhà cấp cho hộ nghèo vượt lũ ở khu dân cư II, khi V đồng ý thì M hứa mua giùm 02 nền và yêu cầu đưa tiền để làm các thủ tục. Từ tháng 5/2017 đến ngày 14/7/2018, M nhận và chiếm đoạt nhiều lần của V với tổng số tiền là 107.500.000 đồng.

8. Đối với bị hại Trần Hữu T1: Ngày 19/9/2017, M điện thoại cho ông T1 giới thiệu mua nền nhà giá rẻ cho gia đình chính sách 47.000.000 đồng/nền. Sau đó, M có đưa ông T1 xem nền nhà tại Khu đô thị Sao Mai và cho xem sơ đồ quy hoạch nên ông T1 tin tưởng đồng ý. Từ tháng 9/2018 đến tháng 10/2018, M nhận và chiếm đoạt của ông T1 số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định những người đứng tên mua các nền nhà tại Khu đô thị Sao Mai và Khu dân cư II mà M đã chỉ cho các bị hại thì những người này không có quen biết M và cũng không nhờ M bán giùm nền nhà. Đồng thời, kết quả điều tra xác định hiện nay M chỉ có nền nhà tại Khu dân cư II (nền trả chậm) diện tích 76,5m² thuộc thửa đất số 5, tờ bản đồ số 62, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn do Ủy ban nhân dân huyện L giao quyền sử dụng đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo kết luận giám định số: 722/KL-KTHS ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Thị M ghi trên các biên nhận và chữ viết, chữ ký tên Nguyễn Thị M trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết và ký ra.

Sau khi Nguyễn Thị M bị tố giác, Cơ quan điều tra tiến hành mời M làm việc, cho đối chiếu với những người bị hại thống nhất số tiền chiếm đoạt và M thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA - RM1187 M đen của Nguyễn Thị M. Quá trình điều tra xác định M đã sử dụng điện thoại này liên lạc với các bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- 01 (một) quyển tập học sinh có ghi phía trên bên trái bìa có chữ “Công ty QUYẾT TÂM”, phía dưới bên trái bìa có chữ “QUÊ HƯƠNG” M đỏ, bên trong có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị M. Quá trình điều tra xác định M sử dụng quyển tập này để ghi chép công việc, sinh hoạt hàng ngày.

- 01 (một) thẻ ATM M xanh có chữ “Agribank Success” tên Nguyễn Thị M, số seri 9704050684113751 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện L. Quá trình điều tra xác định M đã sử dụng thẻ

này để lĩnh lương, giao dịch với ngân hàng và cho các bị hại chuyển tiền vào tài khoản của mình. Hiện số dư âm 13.595.376 đồng.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Thị M tác động gia đình nộp được số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho người bị hại đồng thời những người bị hại yêu cầu M phải có trách nhiệm bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và xử lý hành vi của M đúng quy định của pháp luật.

Theo cáo trạng số 15/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Mầu về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố, phân tích hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 10 năm đến 12 năm tù. Do gia đình của bị cáo hiện đang gặp khó khăn về kinh tế nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, đề nghị xem xét theo phần Quyết định của Cáo trạng đã nêu.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị M phát biểu quan điểm: Do bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt của những người bị hại với tổng số tiền là 1.015.700.000 đồng, đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự nên luật sư không có ý kiến gì phản bác. Tuy nhiên, vị luật sư cũng nêu ra các đặc điểm về nhân thân, hoàn cảnh gia đình, động cơ, ý thức phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả; gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha, mẹ, chú ruột của bị cáo là liệt sĩ, bà nội và bà ngoại của bị cáo đều là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; trong quá trình công tác, bị cáo cũng đã có nhiều công sức đóng góp xuất sắc cho đơn vị, là chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2012, được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến các năm 2011, 2015, 2016; được khen thưởng nhiều giấy khen khác và được Nhà nước trao tặng Kỷ niệm chương vì có đóng góp phát triển ngành Tuyên giáo vào năm 2017. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng ở khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự trong khi có đến 04 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đã có đủ cơ sở để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo mức án dưới khung.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận hay bào chữa bổ sung mà chỉ thừa

nhận hành vi của bị cáo là sai, bị cáo rất hối hận, bị cáo xin lỗi những người bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị M đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo khẳng định hành vi phạm tội được nêu trong bản cáo trạng số 15/CT-VKS-P3 ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là đúng với hành vi của bị cáo. Do vay tiền bên ngoài không có khả năng thanh toán và để có tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 3/2017 đến tháng 7/2018, Nguyễn Thị M đã thực hiện hành vi gian dối chủ động gợi ý Trần Thị Q, Nguyễn Thị Thúy H, Trần Thiện N, Võ Thị B, Trần Ngọc H1, Hồ Ngọc T, Nguyễn Thị Thu V và Trần Hữu T1 đưa tiền cho M mua giùm nền nhà giá rẻ tại Khu dân cư II (Tắc Bà Tảo) và Khu đô thị Sao Mai thuộc huyện L. Sau khi nhận được tổng số tiền 1.015.700.000 đồng của 08 bị hại, M không mua nền nhà như đã hứa mà chiếm đoạt trả nợ, tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị M là có tội, đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do thời điểm phạm tội của bị cáo và thời điểm xét xử vụ án là thời điểm chuyển giao giữa Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt tương ứng nhau nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xử lý đối với bị cáo. Xét thấy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác

trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) ...

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

[3] Bị cáo từng là cán bộ tuyên giáo, từng là nhân viên Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện L, có trình độ học vấn cũng như trình độ nhận thức nhất định, bị cáo hoàn toàn có thể nhận thức được hành vi của mình, biết rất rõ hành vi nào là đúng pháp luật, hành vi nào trái pháp luật trong quan hệ xã hội. Đồng thời, bị cáo cũng là người có đầy đủ sức khỏe và việc làm ổn định để lao động nuôi sống bản thân và gia đình. Chỉ vì động cơ tư lợi, muốn nhanh chóng có được nhiều tiền để trả nợ, tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối bằng cách gợi ý những người bị hại đưa tiền cho bị cáo mua giùm nền nhà giá rẻ. Bị cáo cho họ xem sơ đồ quy hoạch, dẫn họ xem vị trí đất, nền nhà để họ tin tưởng đưa tiền. Sau khi nhận được tiền, bị cáo không mua nền nhà như đã hứa mà chiếm đoạt tiền của họ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của những người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Khi thực hiện hành vi, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Chứng tỏ hành vi của bị cáo là cố ý trực tiếp và tội phạm đã hoàn thành. Đối với bị cáo cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo cũng đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả. Gia đình bị cáo có công với Cách mạng, cha, mẹ, chú ruột của bị cáo là liệt sĩ; bà nội và bà ngoại của bị cáo đều là bà mẹ Việt Nam anh hùng. Trong quá trình công tác, bị cáo cũng đã có nhiều công sức đóng góp xuất sắc cho đơn vị, là chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2012, được tặng danh hiệu Lao động tiên tiến các năm 2011, 2015, 2016; được khen thưởng nhiều giấy khen khác và được Nhà nước trao tặng Kỷ niệm chương vì có đóng góp phát triển ngành Tuyên giáo vào

năm 2017. Hiện tại, gia đình bị cáo đang gặp khó khăn về kinh tế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, cũng cần xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt theo pháp luật qui định.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản của tội danh, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cũng như đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận. Tuy nhiên, việc đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo là chưa phù hợp. Bởi lẽ, cáo trạng đã cáo buộc bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại với tổng số tiền 1.015.700.000 đồng là đã thu hút số tiền phạm tội nhiều lần thành tổng số tiền phạm tội được định khung tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự để kết tội bị cáo nên việc áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” là bất lợi cho bị cáo nên không chấp nhận.

Đối với ý kiến của người bào chữa là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại Trần Thị Q yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị M trả lại cho chị số tiền 130.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thúy H yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 64.000.000 đồng; Trần Thiện Nn yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 430.500.000 đồng; Võ Thị B yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 106.500.000 đồng; Trần Ngọc H1 yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 8.400.000 đồng; Hồ Ngọc T yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 138.800.000 đồng; Nguyễn Thị Thu V yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 107.500.000 đồng; Trần Hữu T1 yêu cầu bị cáo M trả lại số tiền 30.000.000 đồng. Xét yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ nên chấp nhận. Áp dụng Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Thị M có trách nhiệm trả lại cho những người bị hại nêu trên với tổng số tiền là 1.015.700.000 đồng nhưng trừ đi 20.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 014583 ngày 08/11/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bị cáo còn bồi thường tiếp số tiền là 995.700.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA - RM1187 M đen của Nguyễn Thị M là công cụ dùng vào việc phạm tội. Xét thấy cần phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) thẻ ATM M xanh có chữ “Agribank Success” tên Nguyễn Thị M, số seri 9704050684113751 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện L; bị cáo đã sử dụng thẻ này để lĩnh lương, giao dịch với ngân hàng và cho các bị hại chuyển tiền vào tài khoản của mình nên cần phải tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Riêng 01 (một) quyển tập học sinh có ghi phía trên bên trái bìa có chữ “Công ty QUYẾT TÂM”, phía dưới bên trái bìa có chữ “QUÊ HƯƠNG” M

đỏ, bên trong có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị M là tài sản của bị cáo. Xét thấy cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M.

Đối với ông Nguyễn Văn V công tác bảo vệ tại trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện L có quen biết Nguyễn Thị M từ năm 2006. Sau khi sự việc xảy ra, nhiều người bị hại hối thúc M làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên M nhờ ông nói chuyện điện thoại với ông Trần Thiện N và Nguyễn Thị Thúy H nội dung: Giấy tờ sắp xong rồi đợi khoảng 01 tuần nữa là có, để những người này tin tưởng không yêu cầu nữa. Mặt khác, do M nói với ông đang bán nền nhà cho người khác lo giấy tờ không kịp nên ông giúp 02 lần và ông nghĩ rằng việc M nhờ ông là M có bán nền nhà và làm thủ tục thật sự, ông không biết M thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác, không hưởng lợi ích từ M nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ 589 Bộ luật dân sự.

Buộc Nguyễn Thị M có trách nhiệm bồi thường cho 08 người bị hại với số tiền của từng người cụ thể như sau:

1. Trần Thị Q số tiền 130.000.000 đồng.
2. Nguyễn Thị Thúy H số tiền 64.000.000 đồng.
3. Trần Thiện N số tiền 430.500.000 đồng.
4. Võ Thị B số tiền 106.500.000 đồng.
5. Trần Ngọc H1 số tiền 8.400.000 đồng.
6. Hồ Ngọc T số tiền 138.800.000 đồng.
7. Nguyễn Thị Thu V số tiền 107.500.000 đồng.
8. Trần Hữu T1 số tiền 30.000.000 đồng.

Tổng cộng là 1.015.700.000 đồng nhưng trừ đi 20.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 014583 ngày 08/11/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bị cáo còn bồi thường tiếp số tiền là 995.700.000 đồng (chín trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án cho đến khi thi hành xong.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu

NOKIA - RM1187 M đen của Nguyễn Thị M.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 (một) thẻ ATM M xanh có chữ “Agribank Success” tên Nguyễn Thị M, số seri 9704050684113751 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện L.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị M 01 (một) quyển tập học sinh có ghi phía trên bên trái bìa có chữ “Công ty QUYẾT TÂM”, phía dưới bên trái bìa có chữ “QUÊ HƯƠNG” M đỏ, bên trong có chữ ký và chữ viết của Nguyễn Thị M.

(Các vật chứng nêu trên hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 41.871.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án văn hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.